

Số: 10 /NQ-HĐND

Thanh Trị, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách
huyện Thanh Trị năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số
163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một
số điều của Luật ngân sách Nhà nước Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3335/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 12 năm 2022 của
UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm
2023 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng Nhân dân huyện Thanh Trị khoá XII kỳ họp lần thứ 8, về dự toán thu ngân
sách nhà nước, chi ngân sách địa phương huyện Thanh Trị năm 2023;

Xét Tờ trình số 772/TTr-UBND, ngày 15 tháng 6 năm 2023 của UBND
huyện Thanh Trị về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách
huyện Thanh Trị, năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND
huyện, ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện Thanh Trị tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi
ngân sách huyện Thanh Trị, năm 2023 theo Tờ trình số 772/TTr-UBND, ngày 15
tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Thanh Trị; cụ thể một số khoản thu, chi như
sau:

**1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách huyện năm 2023 số tiền:
143.538.868.244 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 579.898.868.244 đồng,
trong đó:**

1.1 Dự toán thu ngân sách trên địa bàn: 34.000.000.000 đồng, trong đó
ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 31.100.000.000 đồng (theo dự toán
đầu năm).



1.2 Tăng dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 50.764.066.974 đồng.
Dự toán thu sau khi điều chỉnh là: 456.024.066.974 đồng.

1.3 Tăng dự toán thu chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 84.685.789.225 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện: 75.984.235.175 đồng.

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã: 8.701.554.050 đồng.

1.4 Tăng dự toán thu kết dư ngân sách huyện: 8.089.012.045 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp huyện: 4.784.225.146 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp xã: 3.304.786.899 đồng.

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách huyện năm 2023: 143.538.868.244 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 579.898.868.244 đồng, trong đó:

2.1 Tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện là: 117.858.131.795 đồng, dự toán sau điều chỉnh là: 504.935.131.795 đồng.

2.2 Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp xã: 25.680.736.449 đồng.
Dự toán chi sau điều chỉnh: 74.963.736.449 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2.

1. Giao UBND huyện tập trung điều hành dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 theo đúng quy định. Trong điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2023, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu, chi đã điều chỉnh tại Nghị quyết này) UBND huyện quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh và báo cáo HĐND huyện trong kỳ họp cuối năm 2023.

2. Thường trực HĐND, các Ban, các tổ và các đại biểu HĐND huyện theo chức năng, nhiệm vụ quy định thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được HĐND huyện khoá XII, kỳ họp thứ 10 thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND +UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT.Huyện uỷ, TT.UBND huyện;
- Thành viên UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TT.UB.MTTQ huyện;
- Phòng Tư pháp;
- VP.Huyện uỷ; UBND huyện;
- TT.HĐND +UBND các xã (TT);
- Lưu: VT, VP, TC-KH.

CHỦ TỊCH



Sơn Phương





Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 10/NQ-HĐND, ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch HĐND huyện Thanh Trì

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
A	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu phân đấu HĐND huyện giao)	34.000.000.000	0	34.000.000.000	
	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu tỉnh giao): trong đó thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 31.100.000.000 đồng	31.100.000.000		31.100.000.000	
B	Dự toán thu ngân sách huyện	436.360.000.000	143.538.868.244	579.898.868.244	
I	Dự toán thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	31.100.000.000	0	31.100.000.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	405.260.000.000	50.764.066.974	456.024.066.974	
1	Thu bổ sung cân đối	375.270.000.000		375.270.000.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu đầu năm	29.990.000.000		29.990.000.000	
2.1	Từ nguồn cân đối NSDP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	29.990.000.000		29.990.000.000	
3	Thu bổ sung trong năm	0	50.764.066.974	50.764.066.974	
3.1	Thu bổ sung chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	0	12.291.000.000	12.291.000.000	
3.1.1	Kinh phí chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		8.183.000.000	8.183.000.000	
3.1.2	Kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		1.498.000.000	1.498.000.000	
-	Quản lý, điều hành, giám sát, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình, ...(cấp huyện 80 triệu đồng/huyện, thị xã; cấp xã 40 triệu đồng/xã)		400.000.000	400.000.000	
-	Đối ứng với ngân sách Trung ương thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các nội dung chính trang điện mạo nông thôn		848.000.000	848.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn; trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi		50.000.000	50.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
-	Hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 và năm 2022 (các xã Tuần Tứ, Châu Hưng) thực hiện nâng chất các tiêu chí nông thôn mới (100 triệu đồng/xã)		200.000.000	200.000.000	
3.1.3	Kinh phí vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		2.610.000.000	2.610.000.000	
-	Thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		2.360.000.000	2.360.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường		200.000.000	200.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn; trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi		50.000.000	50.000.000	
3.2	Thu bổ sung chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0	23.709.610.000	23.709.610.000	
3.2.1	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển))		13.433.604.000	13.433.604.000	
3.2.2	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		10.276.006.000	10.276.006.000	
3.3	Thu bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	0	5.885.000.000	5.885.000.000	
	KP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		5.885.000.000	5.885.000.000	
3.4	Thu bổ sung có mục tiêu	0	8.878.456.974	8.878.456.974	
3.4.1	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm		37.026.500	37.026.500	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.4.2	Kinh phí thăm, tặng quà và chúc Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023		387.050.000	387.050.000	
3.4.3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023		133.000.000	133.000.000	
3.4.4	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP đợt II năm 2022 (lần 3)		1.459.658.474	1.459.658.474	
3.4.5	Kinh phí tổ chức cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Sóc Trăng năm 2023		34.000.000	34.000.000	
3.4.6	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thu lợi năm 2023		6.000.000.000	6.000.000.000	
3.4.7	Kinh phí tiền lương hợp đồng; xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kinh phí hoạt động pháp chế và hoạt động chuyên ngành năm 2023		165.000.000	165.000.000	
3.4.8	Kinh phí thực hiện mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với Công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng		522.722.000	522.722.000	
3.4.9	Kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ năm 2023		140.000.000	140.000.000	
III	Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2022 chuyển sang năm 2023		84.685.789.225	84.685.789.225	
1	Chuyển nguồn ngân sách huyện		75.984.235.175	75.984.235.175	
2	Chuyển nguồn ngân sách xã		8.701.554.050	8.701.554.050	
IV	Thu kết dư		8.089.012.045	8.089.012.045	
1	Kết dư ngân sách huyện		4.784.225.146	4.784.225.146	
2	Kết dư ngân sách xã		3.304.786.899	3.304.786.899	
C	Dự toán chi ngân sách huyện (bao gồm chi trợ cấp ngân sách xã)	436.360.000.000	143.538.868.244	579.898.868.244	
I	Dự toán chi ngân sách cấp huyện	387.077.000.000	117.858.131.795	504.935.131.795	
1	Chi ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không bao gồm chi ngân sách xã)	357.087.000.000		357.087.000.000	
1.1	Chi đầu tư phát triển	26.131.000.000		26.131.000.000	
1.2	Chi thường xuyên (bao gồm tiết kiệm 10% chi thường xuyên 4.261 triệu đồng)	372.271.000.000	0	372.271.000.000	
1.3	Chi dự phòng ngân sách	7.968.000.000		7.968.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
2	Chi bổ sung có mục tiêu đầu năm	29.990.000.000		29.990.000.000	
2.1	Từ nguồn cân đối NSDP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết				
2.3	Vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	29.990.000.000		29.990.000.000	
3	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu	0		0	
	Trong đó		37.089.671.474	37.089.671.474	
3.1	Chi bổ sung chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		11.771.000.000	11.771.000.000	
3.1.1	Kinh phí chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		8.183.000.000	8.183.000.000	
3.1.2	Kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		978.000.000	978.000.000	
-	Quản lý, điều hành, giám sát, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình, ...(cấp huyện 80 triệu đồng/huyện, thị xã)		80.000.000	80.000.000	
-	Đổi ứng với ngân sách Trung ương thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các nội dung chính trang diện mạo nông thôn		848.000.000	848.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn; trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi		50.000.000	50.000.000	
3.1.3	KP vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		2.610.000.000	2.610.000.000	
-	Thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		2.360.000.000	2.360.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường		200.000.000	200.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn; trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi		50.000.000	50.000.000	
3.2	Chi chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số		13.893.963.000	13.893.963.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.2.1	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển))		6.512.580.000	6.512.580.000	
3.2.2	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		7.381.383.000	7.381.383.000	
3.3	Chi chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững		3.256.000.000	3.256.000.000	
	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		3.256.000.000	3.256.000.000	
3.4	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu		8.168.708.474	8.168.708.474	
3.4.1	Kinh phí kinh phí thăm, tặng quà và chúc Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023		387.050.000	387.050.000	
3.4.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023		133.000.000	133.000.000	
3.4.3	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP đợt II năm 2022 (lần 3)		1.459.658.474	1.459.658.474	
3.4.4	Kinh phí tổ chức cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Sóc Trăng năm 2023		34.000.000	34.000.000	
3.4.5	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023		6.000.000.000	6.000.000.000	
3.4.6	Kinh phí tiền lương hợp đồng; xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kinh phí hoạt động pháp chế và hoạt động chuyên ngành năm 2023		15.000.000	15.000.000	
3.4.7	Kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ năm 2023		140.000.000	140.000.000	
4	Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2022 chuyển sang năm 2023 (bao gồm kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022)		75.984.235.175	75.984.235.175	
5	Chi kết dư ngân sách cấp huyện		4.784.225.146	4.784.225.146	
	Trong đó:				
	Thực hiện một số nhiệm vụ khi phát sinh trong năm (bao gồm nộp trả mục tiêu ngân sách tỉnh)		4.784.225.146	4.784.225.146	
II	Chi ngân sách cấp xã	49.283.000.000	25.680.736.449	74.963.736.449	
1	Chi ngân sách cấp xã	49.283.000.000		49.283.000.000	
2	Chi chuyển nguồn ngân sách xã		8.701.554.050	8.701.554.050	
3	Chi kết dư ngân sách xã		3.304.786.899	3.304.786.899	
4	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách huyện cho ngân sách cấp xã (từ nguồn mục tiêu tỉnh)		13.674.395.500	13.674.395.500	
	Trong đó:				
-	Chi chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		520.000.000	520.000.000	
-	Chi chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022		9.815.647.000	9.815.647.000	
-	Chi chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững		2.629.000.000	2.629.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
-	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm		37.026.500	37.026.500	
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng; xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kinh phí hoạt động pháp chế và hoạt động chuyên ngành năm 2023		150.000.000	150.000.000	
-	Kinh phí thực hiện mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với Công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng		522.722.000	522.722.000	